

Số: 4764/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hỗ trợ kinh phí năm 2013 cho các địa phương thực hiện Đề án  
“Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân  
giai đoạn 2008 - 2020”**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo (công văn số 4246/BGDĐT-KHTC ngày 24 tháng 6 năm 2013) và ý kiến của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư (công văn số 4874/BKHĐT-KHGD TNMT ngày 12 tháng 7 năm 2013) và Tài chính (công văn số 11559/BTC-NSNN ngày 29 tháng 8 năm 2013),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**

1. Hỗ trợ 100 tỷ đồng (một trăm tỷ đồng) cho 24 địa phương (theo phụ lục đính kèm) từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo của ngân sách trung ương năm 2013 để thực hiện Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

2. Các địa phương có trách nhiệm sử dụng kinh phí được hỗ trợ nêu trên, nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện Đề án, trong đó ưu tiên cho những nhiệm vụ thực sự cấp bách, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm và đúng quy định.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương (theo phụ lục đính kèm) và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TTg, các Phó Thủ tướng:  
Nguyễn Thiện Nhân, Vũ Văn Ninh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,  
các Vụ: TH, KGVX, TKBT;
- Lưu: VT, KTTH (3). *SD*

**THỦ TƯỚNG**

*Nguyễn Tấn Dũng*

**Phụ lục**

**KINH PHÍ HỖ TRỢ CÁC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “DẠY VÀ HỌC  
NGOẠI NGỮ TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN  
GIAI ĐOẠN 2008-2020”**

*(Kèm theo Quyết định số 1764/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2013  
của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| <b>STT</b> | <b>Địa phương được hỗ trợ</b> | <b>NSTW hỗ trợ</b> |
|------------|-------------------------------|--------------------|
|            | <b>Tổng cộng</b>              | <b>100.000</b>     |
| 1          | Vĩnh Long                     | 3.571              |
| 2          | An Giang                      | 3.071              |
| 3          | Bến Tre                       | 3.571              |
| 4          | Đồng Tháp                     | 4.072              |
| 5          | Hậu Giang                     | 5.143              |
| 6          | Trà Vinh                      | 3.571              |
| 7          | Sóc Trăng                     | 4.355              |
| 8          | Bạc Liêu                      | 4.072              |
| 9          | Tây Ninh                      | 4.072              |
| 10         | Đồng Nai                      | 3.071              |
| 11         | Long An                       | 5.143              |
| 12         | Bình Thuận                    | 4.072              |
| 13         | Bình Định                     | 4.072              |
| 14         | Phú Yên                       | 5.143              |
| 15         | Gia Lai                       | 3.571              |
| 16         | Ninh Thuận                    | 3.071              |
| 17         | Quảng Ngãi                    | 5.143              |
| 18         | Quảng Nam                     | 4.072              |
| 19         | Lâm Đồng                      | 3.571              |
| 20         | Quảng Trị                     | 4.072              |
| 21         | Quảng Bình                    | 4.072              |
| 22         | Yên Bái                       | 5.143              |
| 23         | Lạng Sơn                      | 5.143              |
| 24         | Đắk Lắk                       | 5.143              |